TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thành Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Chau S - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2023/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); trụ sở chính: Số B L, Phường T, Quận B, TP .; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đình Q – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Kiều Công M – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Thành P, sinh năm 1980; bà Trần Hồng Q1, sinh năm 1984; cư trú: Tổ 02, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông M có mặt, ông P, bà Q1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Kiều Công M trình bày:

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 và Ngân hàng N – Chi nhánh huyện huyện A có ký kết Hợp đồng tín dụng số 129/6703-LAV-202002798 để vay số tiền 140.000.000 đồng, mục đích: Chăn nuôi bò, lãi suất tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng: 10,5%/năm, thỏa thuận lãi suất điều chỉnh theo giấy nhận nợ, lãi quá hạn đối với nợ gốc là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 14 tháng, định kỳ trả nợ gốc, lãi: trả lãi 03 tháng/lần, trả gốc: 31/8/2021. Cùng ngày, Ngân hàng đã giải ngân cho ông P, Q1 số tiền 140.000.000 đồng. Đến ngày 10/8/2021 Ngân hàng thông báo cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc ngày 31/7/2022. Đồng thời, ông P, bà Q1 giao cho Ngân hàng giữ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 578866 (CS05632) do Sở Tài nguyên &Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08/12/2017 mang tên ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, Q1 không thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 16/6/2023, ông P, Q1 còn nợ của Ngân hàng tổng cộng: 168.973.097 (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi bảy) đồng; trong đó, nợ gốc là 140.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 22.549.397 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.423.699đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông P, Q1 trả nợ trên cho Ngân hàng, tiếp tục tính lãi suất đến ngày trả hết nợ gốc và duy trì tài sản gửi giữ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện An Phú đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P, bà Q1 không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu Tòa án thu thập được đã được công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung vụ án: Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được công khai, kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 168.973.097đồng; trong đó, nợ gốc là 140.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 22.549.397 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.423.699đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N cho ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 vay với mục đích chăn nuôi bò. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 cư trú tại thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong vụ án này do Ngân hàng khởi kiện yêu cầu yêu ông P, bà Q1 trả nợ vay và theo hợp đồng vay ông P, bà Q1 là người trực tiếp ký hợp đồng vay nên xác định Ngân hàng là nguyên đơn, ông P, bà Q1 là bị đơn.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà Q1.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông P, bà Q1 không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Mặc dù không có sự thừa nhận của ông P, bà Q1 nhưng thông qua hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ, phương án sử dụng vốn kiêm báo cáo đề xuất cho vay có chữ ký của ông P, bà Q1 thì chứng tỏ ông P, bà Q1 có vay tiền tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện A.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 129/6703-LAV-202002798, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ, phương án sử dụng vốn kiêm báo cáo đề xuất cho vay cùng ngày 02/7/2020 giữa bên cho vay là Ngân hàng N – Chi nhánh huyện A và bên vay là ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 vay số tiền 140.000.000 đồng, để chăn nuôi bò, thỏa thuận lãi suất 10,5%/năm, lãi quá hạn đối với nợ gốc là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất tiền vay theo hình thức thả nổi định kỳ điều chỉnh tối thiểu 03 tháng/lần. Tính đến ngày 16 tháng 6 năm 2023, ông P, bà Q1 còn nợ của Ngân hàng tiền 168.973.097đồng; trong đó, nợ gốc là 140.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 22.549.397 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.423.699đồng. Do ông P, bà Q1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N, buộc ông P, bà Q1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên.

[6] Khi vay vốn, ông P, bà Q1 giao nộp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 578866 (CS05632) do Sở Tài nguyên &Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08/12/2017 mang tên ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1. Xét thấy việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ xem là biện pháp tín chấp vì không ký hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, phía ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện

việc giao trả lại giấy chứng nhận trên cho ông P, bà Q1 khi ông P, bà Q1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong và có yêu cầu giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Chi phí tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ để thu thập chứng cứ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có phát sinh chi phí tố tụng với số tiền là 500.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng nêu trên, nguyên đơn đã dự nộp trước nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông P, bà Q1 phải chịu 168.973.097đồng x 5% = 8.448.654 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 168.973.097 (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi bảy) đồng; trong đó, nợ gốc là 140.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 22.549.397 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.423.699đồng.

Kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng tín dụng số 129/6703-LAV-202002798 ngày 02/7/2020 cho đến khi thi hành án xong.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền 500.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Lê Thành P, bà Trần Hồng Q1 phải chịu 8.448.000 (Tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng N 3.763.000 (Ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007878 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

(*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*)